

Đề thi Học kì 2 môn Toán lớp 4 (cơ bản - 1)

Thời gian làm bài: 45 phút

Phần I: Trắc nghiệm khách quan (3 điểm) $\frac{41}{6}$

Câu 1. Giá trị chữ số 4 trong số 240 853 là:

- A. 4 B. 40 C. 40853 D. 40 000

Câu 2. Trong các phân số $\frac{12}{6}$; $\frac{2}{6}$; $\frac{3}{6}$; $\frac{41}{6}$ phân số tối giản là:

- A. $\frac{12}{6}$ B. $\frac{2}{6}$ C. $\frac{3}{6}$ D.

Câu 3. Quãng đường AB dài 6 km. Trên bản đồ tỉ lệ 1: 100 000, quãng đường từ A đến B đo được bao nhiêu cm?

- A. 6 m B. 6 cm C. 6 dm D. 60 cm

Câu 4. Hình thoi có diện tích là 30 dm². Biết độ dài đường chéo thứ nhất là 6dm. Tính độ dài đường chéo thứ hai của hình bình thoi đó.

- A. 24 dm B. 5 dm C. 10 dm D. 5 dm²

Câu 5. Để $\overline{244a}$ chia hết cho cả 3 và 5 thì giá trị của a là

- A.0 B.3 C. 5 D. 8

Câu 6. Chọn đáp án đúng

- A. Hình có 4 cạnh bằng nhau là hình thoi.
B. Hình thoi có hai cặp cạnh đối diện, song song
C. Mỗi hình thoi đều là hình bình hành
D. Mỗi hình bình hành đều là hình thoi.

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1. (3 điểm) Tính

a) $2 + \frac{4}{7}$	b) $\frac{5}{6} - \frac{3}{5}$	c) $\frac{3}{4} \times \frac{5}{6}$	d) $\frac{8}{5} : \frac{8}{7}$
----------------------	--------------------------------	-------------------------------------	--------------------------------

Câu 2. (3 điểm) Một thửa ruộng hình bình hành có độ dài đáy 60m, chiều cao bằng $\frac{4}{5}$ độ dài đáy.

a, Tính diện tích thửa ruộng đó.

b, Trên thửa ruộng, người ta trồng ngô và trồng khoai; diện tích trồng ngô bằng $\frac{1}{2}$ diện tích trồng khoai. Tính diện tích thửa ruộng dùng để trồng khoai?

Câu 3. (1 điểm) Tính bằng cách thuận tiện nhất: $\frac{4}{5} \times \frac{3}{7} + \frac{4}{5} \times \frac{6}{7} - \frac{4}{5} \times \frac{4}{14}$

Đề thi Học kì 2 môn Toán lớp 4 (cơ bản - 2)

Thời gian làm bài: 45 phút

Phần I: Trắc nghiệm khách quan (3 điểm)

Câu 1. Số lớn nhất trong các số: 856 564; 856 654; 856 465; 856 546 là:

A. 856 564 B. 856 654 C. 856 465 D. 856 546

Câu 2. Chọn câu trả lời đúng.

A. $\frac{4}{10} > \frac{6}{10}$ B. $\frac{5}{7} > 1$ C. $\frac{3}{2} < \frac{1}{2}$ D. $\frac{8}{4} = 2$

Câu 3. Trung bình cộng của hai số là 100. Biết số bé bằng $\frac{1}{4}$ số lớn. Tìm số bé.

A. 50

B. 40

C. 20

D. 30

Câu 4. Nối số đo ở cột A với số đo ở cột B sao cho phù hợp:

A

1. $12\text{m}^2\ 30\text{cm}^2$
2. $12\text{m}^2\ 3\text{dm}^2$

B

a. 120300cm^2
b. 120030cm^2

Câu 5. Một hình bình hành có diện tích là 100 cm^2 , chiều cao 20 cm. Tính độ dài đáy của hình bình hành đó là:

A. 5cm

B. 10cm

C. 20 cm

D. 15 cm

Câu 6. Cho các phân số $\frac{15}{4}$; $\frac{5}{4}$; $\frac{3}{4}$; $\frac{16}{4}$. Phân số lớn nhất là

A. $\frac{15}{4}$

B. $\frac{5}{4}$

C. $\frac{3}{4}$

D. $\frac{16}{4}$

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1. (3 điểm) Tính

a) $\frac{5}{9} + \frac{4}{3}$	b) $\frac{6}{5} - \frac{2}{3}$	c) $\frac{15}{8} \times \frac{4}{5}$	d) $\frac{6}{7} : \frac{8}{14}$
--------------------------------	--------------------------------	--------------------------------------	---------------------------------

Câu 2. (3 điểm) Một thửa ruộng hình chữ nhật có nửa chu vi là 75 m. Chiều rộng bằng $\frac{1}{4}$ chiều dài.

a, Tính diện tích thửa ruộng đó.

Câu 6. Một hình bình hành có chiều cao 2dm và độ dài đáy 10cm. Diện tích hình bình hành đó là:

A. 20cm^2

B. 200cm^2

C. 20dm^2

D. 24dm^2

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1. (3 điểm) Tính

a) $15 + \frac{9}{3}$	b) $\frac{4}{9} - \frac{5}{18}$	c) $\frac{3}{5} \times \frac{5}{7}$	d) $\frac{4}{7} : \frac{2}{7}$
-----------------------	---------------------------------	-------------------------------------	--------------------------------

Câu 2. (3 điểm) Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 15m, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Trung bình cứ 1 m^2 vườn đó người ta thu được 10 ki - lô - gam cà chua. Hỏi trên cả mảnh vườn đó người ta thu được bao nhiêu ki - lô - gam cà chua?

Câu 3. (1 điểm) Tính bằng cách thuận tiện nhất:

$$(36 + 54) \times 7 + 7 \times 9 + 7$$

Đề thi Học kì 2 môn Toán lớp 4 (cơ bản - 4)

Thời gian làm bài: 45 phút

Phần I: Trắc nghiệm khách quan (3 điểm)

Câu 1. Phân số $\frac{5}{8}$ bằng

A. $\frac{15}{32}$

B. $\frac{20}{40}$

C. $\frac{25}{40}$

D.

$\frac{10}{24}$

Câu 2. Chữ số 6 trong số 269 857 chỉ

A. 600

B. 6 000

C. 60 000

D. 600 000

Câu 3. Rút gọn phân số $\frac{45}{105}$ để được phân số tối giản

A. $\frac{15}{35}$

B. $\frac{9}{35}$

C. $\frac{15}{21}$

D. $\frac{3}{7}$

Câu 4. Số thích hợp điền vào chỗ chấm để $106\text{dm}^2\ 8\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

A. 1068

B. 10608

C. 10680

D. 16008

Câu 5. Chọn đáp án đúng?

A. $\frac{5}{11} > \frac{5}{8}$

B. $\frac{15}{24} < \frac{9}{8}$

C. $\frac{2}{7} > \frac{5}{7}$

D. $\frac{13}{12} < 1$

Câu 6. Một hình thoi có độ dài các đường chéo là 60dm và 4m. Diện tích hình thoi là:

A. 120 dm^2 B. 240 m^2 C. 12m^2 D. 24dm^2

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1. (2 điểm) a. Tính $\frac{5}{3} : 4 + \frac{11}{6}$

b. Tìm x $\frac{2}{5} : x = \frac{1}{3}$

Câu 2. (3 điểm)

Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 72m. Chiều rộng bằng $\frac{1}{4}$ chiều dài.

a) Tính diện tích của thửa ruộng hình chữ nhật

b) Người ta trồng ngô trên thửa ruộng đó, tính ra bình quân 1m^2 đất thu được $\frac{1}{9}$ kg ngô. Hỏi cả thửa ruộng đó thu được bao nhiêu ki-lô-gam ngô ?

Câu 3. (2 điểm) Tích của hai số là 1728. Nếu giữ nguyên thừa số thứ hai, giảm thừa số thứ nhất đi 5 đơn vị thì được tích mới là 1488. Tìm hai số đó.

Đề thi Học kì 2 môn Toán lớp 4 (cơ bản - 5)

Thời gian làm bài: 45 phút

Phần I: Trắc nghiệm khách quan (3 điểm)

Câu 1 Phân số $\frac{2}{3}$ bằng phân số nào dưới đây?

- A. $\frac{20}{18}$ B. $\frac{15}{45}$ C. $\frac{10}{15}$ D. $\frac{4}{5}$

Câu 2. Chọn đáp án đúng

- A. 3 tấn 25 kg = 325 kg B. $5\text{ km}^2\ 17\text{ m}^2 = 5\ 000\ 017\text{ m}^2$
C. 2 phút 10 giây = 260 giây D. 5 00 mm = 5 m

Câu 3. Đoạn AB trên bản đồ vẽ theo tỉ lệ 1: 1 000 dài 12 cm. Độ dài thật của đoạn AB là:

- A. 120 cm B. 1 200 cm C. 12 000 cm D. 12 cm

Câu 4. Trong các số 6 390 ; 3 929 ; 5 382 ; 7 650 số không chia hết cho 9 là

A. 6390

B. 3929

C. 5382

D. 7650

Câu 5. Có 5 viên bi màu xanh và 8 viên bi màu đỏ. Vậy phân số chỉ số bi màu xanh so với tổng số viên bi là:

A. $\frac{5}{8}$

B. $\frac{8}{5}$

C. $\frac{5}{13}$

D. $\frac{8}{13}$

Câu 6. Một hình thoi có độ dài đường chéo thứ nhất là 9 dm. Độ dài đường chéo thứ hai bằng $\frac{2}{3}$ độ dài đường chéo thứ nhất. Tính diện tích hình thoi đó?

A. 18 dm^2

B. 36 dm^2

C. 27 dm^2

D. 54 dm^2

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1. (2 điểm) Tìm $\frac{x}{y}$ biết:

a) $\frac{4}{3} + \frac{x}{y} = 5$

b) $\frac{3}{4} \times \frac{x}{y} = \frac{6}{5}$

Câu 2. (3 điểm) Một đám ruộng hình chữ nhật có chiều dài gấp 3 lần chiều rộng và hơn chiều rộng 40 m.

a) Tính diện tích thửa ruộng đó.

b) Người ta trồng lúa trên thửa ruộng đó, cứ 1 m^2 thu được 3 kg thóc. Hỏi thửa ruộng đó thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc?

Câu 3. (2 điểm) Trung bình cộng của hai số là 50. Số lớn gấp 3 lần số bé. Tìm số bé

Đề thi Học kì 2 môn Toán lớp 4 (nâng cao - 1)

Thời gian làm bài: 45 phút

Phần I: Trắc nghiệm khách quan (3 điểm)

Câu 1 Giá trị của biểu thức $36576 : (4 \times 2) - 3708$ là :

- A. 863 **B. 864** C. 846 D. 854

Câu 2. Một tấm kính hình thoi có độ dài các đường chéo là 18cm và 30cm. Tính diện tích tấm kính đó.

- A. 270cm²** B. 270 cm C. 540cm² D. 54cm²

Câu 3. Phân số gấp 4 lần phân số $\frac{3}{8}$ là:

- A. $\frac{12}{32}$ **B. $\frac{12}{8}$** C. $\frac{3}{32}$ D. $\frac{7}{8}$

Câu 4. Các số chia hết cho cả 2 và 5 là:

- A . 348, 7646 B. 255, 4230, 8070
C . 255, 348, 7646 **D . 4230, 8070**

Câu 5. Trong các phân số sau: $\frac{9}{8}; \frac{12}{16}; \frac{7}{8}; \frac{6}{5}$, phân số nào nhỏ nhất ?

- A. $\frac{9}{8}$ **B. $\frac{6}{5}$** C. $\frac{12}{16}$ D. $\frac{7}{8}$

Câu 6. Tìm x biết $x \times 4 + \frac{x}{3} = 39$

- A. x = 9** B. x = 12 C. x = 15 D. x = 18

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1. (2 điểm) Tính:

a) $\frac{1}{5} + \frac{4}{11} + \frac{4}{5} + \frac{7}{11}$

b) $\frac{5}{6} + (\frac{5}{9} - \frac{1}{4})$

Câu 2. (3 điểm) Một mảnh vườn hình chữ nhật có chu vi 150m, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Người ta mở đường đi xung quanh vườn rộng 2m. Tính diện tích con đường đó.

Câu 3. (2 điểm) Tổng của hai số lẻ bằng 84. Tìm hai số đó, biết rằng giữa chúng có 7 số chẵn liên tiếp.

Đề thi Học kì 2 môn Toán lớp 4 (nâng cao - 2)

Thời gian làm bài: 45 phút

Phần I: Trắc nghiệm khách quan (3 điểm)

Câu 1 Tìm x biết x là số lẻ chia hết cho 7 và $43 < x < 55$

- A. 55 B. 49 C. 45 D. 50

Câu 2. Phân số lớn nhất trong các phân số $\frac{9}{11}$; $\frac{9}{13}$; $\frac{8}{7}$; $\frac{5}{5}$ là:

- A. $\frac{9}{13}$ B. $\frac{9}{11}$ C. $\frac{8}{7}$ D. $\frac{5}{5}$

Câu 3. $\frac{5}{2}$ năm = tháng.

- A. 45 B. 30 C. 26 D. 76

Câu 4. Một hình thoi có độ dài đường chéo thứ nhất là 57m, độ dài đường chéo thứ hai gấp đôi độ dài đường chéo thứ nhất. Tính diện tích hình thoi đó?

- A. 114 m² B. 3249 m² C. 6498 m² D. 1624 m²

Câu 5. Tỉ lệ bản đồ là 1: 50000 , độ dài thật là 7km. Độ dài thu nhỏ trên bản đồ là:

- A. 14cm B. 14m C. 35cm D. 14dm

Câu 6. Trong các số 28; 57; 450; 250. Số chia hết cho cả 2; 3; 5 và 9 là:

- A. 28 B. 450 C. 57 D. 250

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1. (2 điểm)

- a) $479826 + 187390$ b) $\frac{5}{2} - 2$ c) 317×892 d) $\frac{7}{9} \div \frac{14}{5}$

Câu 2. (3 điểm) Cả 3 lớp 4A, 4B, 4C trồng được 120 cây. Lớp 4B trồng được nhiều hơn lớp 4A 5 cây nhưng lại kém lớp 4C 8 cây. Hỏi mỗi lớp trồng được bao nhiêu cây?

Câu 3. (2 điểm) Tính nhanh tổng sau

$$S = 1 + \frac{1}{3} + \frac{1}{9} + \frac{1}{27} + \frac{1}{81} + \frac{1}{243} + \frac{1}{729}$$

Đề thi Học kì 2 môn Toán lớp 4 (nâng cao - 3)

Thời gian làm bài: 45 phút

Phần I: Trắc nghiệm khách quan (3 điểm)

Câu 1. Giá trị của biểu thức $125 \times 2 + 36 \times 2$ là:

- A. 572 B. 322 C. 233 D. 286

Câu 2. Hình bình hành có cặp cạnh song song? Số thích hợp điền vào chỗ chấm là

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 3. Số thích hợp lần lượt điền vào chỗ chấm của $73\,038\text{ g} = \dots\text{kg} \dots\text{g}$ là:

- A. 73; 38 B. 7; 3038 C. 73; 83 D. 7303; 8

Câu 4. Nửa chu vi của một hình chữ nhật là 24 cm. Nếu chiều dài là 15 cm thì diện tích của hình chữ nhật là:

- A. 24 cm^2 B. 126 cm^2 C. 135 cm^2 D. 720 cm^2

Câu 5. Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 64m và chiều rộng 25m. Trung bình cứ 1 m^2 ruộng đó thu hoạch được $\frac{1}{2}$ kg thóc. Hỏi trên cả thửa ruộng đó người ta thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc ?

- A. 6 tạ B. 7 tạ C. 8 tạ D. 10 tạ

Câu 6. Viết các số hoặc phân số sau theo thứ tự từ bé đến lớn $1; \frac{5}{8}; \frac{3}{2}; \frac{5}{9}$ là

- A. $1; \frac{5}{8}; \frac{3}{2}; \frac{5}{9}$ B. $\frac{5}{8}; 1; \frac{3}{2}; \frac{5}{9}$ C. $\frac{3}{2}; \frac{5}{9}; 1; \frac{5}{8}$ D. $\frac{5}{9}; \frac{5}{8}; 1;$

$$\frac{3}{2}$$

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1. (2 điểm) Tính:

a) $21 + \frac{2}{3}$

b) $\frac{3}{5} - \frac{4}{15}$

c) $\frac{7}{10} \times \frac{5}{14}$

d)

$$\frac{3}{8} : \frac{9}{4}$$

Câu 2. (3 điểm) Một cửa hàng nhận về một số quyển sách Toán 4. Trong hai lần bán hết $\frac{5}{6}$ số sách, biết lần hai bán nhiều hơn lần đầu $\frac{1}{6}$ số sách và sau hai lần bán cửa hàng còn lại 98 quyển sách. Hỏi

- a. Mỗi lần cửa hàng bán được bao nhiêu quyển sách
- b. Số sách cửa hàng nhận về là bao nhiêu quyển?

Câu 3. (2 điểm) Tính nhanh

a. $54 \times 113 + 45 \times 113 + 113$

$$256 \times 236 + 256 \times 256 - 256$$

Đề thi Học kì 2 môn Toán lớp 4 (nâng cao - 4)

Thời gian làm bài: 45 phút

Phần I: Trắc nghiệm khách quan (3 điểm)

Câu 1. Giá trị của biểu thức $\frac{9}{16} - \frac{3}{16} : \frac{3}{8}$ là:

A. $\frac{15}{16}$

B. 1

C. $\frac{5}{16}$

D. $\frac{1}{16}$

Câu 2. Các phân số được sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến bé là:

A. $\frac{2}{3} ; \frac{5}{6} ; \frac{4}{2}$

B. $\frac{5}{6} ; \frac{2}{3} ; \frac{4}{2}$

C. $\frac{4}{2} ; \frac{5}{6} ; \frac{2}{3}$

D. $\frac{2}{3} ; \frac{4}{2} ; \frac{5}{6}$

Câu 3. Trên bản đồ tỷ lệ 1 : 200, chiều rộng phòng học của lớp em đo được 3cm. Chiều rộng thật của phòng học đó là mấy mét ?

- A. 9m B. 6m C. 8m D. 4m

Câu 4. Hiệu hai số 15, Số lớn gấp đôi số bé. Số bé là :

- A. 45 B. 27 C. 13 D. 15

Câu 5. Một cửa hàng lương thực đợt một bán 40 bao gạo, mỗi bao nặng 70kg. Đợt hai bán 65 bao gạo, mỗi bao nặng 50kg. Hỏi cả hai đợt cửa hàng đó bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

- A. 3530kg B. 3125kg C. 5050kg D. 6050kg

Câu 6. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm để :

$$\frac{24}{30} = \frac{\dots}{5} \text{ là :}$$

- A. 15 B. 21 C. 4 D. 5

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1. (2 điểm) Tìm x biết:

$$a, x : \frac{3}{8} = \frac{1}{6}$$

$$b, \frac{3}{7} \times x = \frac{4}{3} + \frac{2}{3}$$

Câu 2. (3 điểm) Hiện nay mẹ hơn con 28 tuổi. Sau 3 năm nữa tuổi mẹ gấp 5 lần tuổi con. Tính tuổi con hiện nay.

Câu 3. (2 điểm) Tìm các phân số lớn hơn $\frac{1}{5}$ và khác với số tự nhiên , biết rằng nếu lấy mẫu số nhân với 2 và lấy tử số cộng với 2 thì giá trị phân số không thay đổi ?.

Đề thi Học kì 2 môn Toán lớp 4 (nâng cao - 5)

Thời gian làm bài: 45 phút

Phần I: Trắc nghiệm khách quan (3 điểm)

Câu 1. Có 3 viên bi màu xanh và 7 viên bi màu đỏ vậy phân số chỉ số viên bi màu xanh so với tổng số viên bi là:

- A. $\frac{3}{10}$ B. $\frac{7}{10}$ C. $\frac{3}{7}$ D. $\frac{7}{3}$

Câu 2. Một hình thoi có độ dài các đường chéo là 60dm và 4m. Diện tích hình thoi là:

- A. 120 dm² B. 240 m² C. 12m² D. 24dm²

Câu 3. Các phân số $\frac{1}{2}; \frac{4}{3}; \frac{5}{5}$ được xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

- A. $\frac{1}{2}; \frac{5}{5}; \frac{4}{3}$ B. $\frac{1}{2}; \frac{4}{3}; \frac{5}{5}$ C. $\frac{1}{2}; \frac{5}{5}; \frac{4}{3}$ D. $\frac{1}{2}; \frac{5}{5}; \frac{4}{3}$

Câu 4. Bản đồ sân vận động thành phố Đông Hà vẽ theo tỉ lệ 1: 100 000. Hỏi độ dài 1cm trên bản đồ này ứng với độ dài thật là bao nhiêu ki-lô-mét?

- A. 1km B. 100km C. 300km D. 300dm

Câu 5. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$$8\text{m}^2 9\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$$

- A. 80900 B. 890000 C. 8900 D. 800900

Câu 6. Giá trị của biểu thức là: $(+) \times =$

- A. B. C. D.

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1. (2 điểm) Tìm x:

a) $1200 : 24 - (17 - x) = 36$

b) $9 \times (x + 5) = 729$

Câu 2. (3 điểm) Có hai rổ cam, nếu thêm vào rổ thứ nhất 4 quả thì sau đó số cam ở hai rổ bằng nhau, nếu thêm 24 quả cam vào rổ thứ nhất thì sau đó số cam ở rổ thứ nhất gấp 3 lần số cam ở rổ thứ hai. Hỏi lúc đầu mỗi rổ có bao nhiêu quả cam?

Câu 3. (2 điểm) Tìm tất cả các số có 3 chữ số sao cho nếu đem mỗi số cộng với 543 thì được số có 3 chữ số giống nhau?

